

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 11-6-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH B PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐHPT ngày 20/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc Đ**, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước

2. Bị đơn: Bà **Mai Thị B**, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Trần Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mai Thị B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu nhau trong khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại Ấp 2, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2016 cho đến nay. Khi bỏ đi bà B không có mang thai và không có nuôi con

dưới 12 tháng tuổi. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm và không thể sống chung với nhau được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Mai Thị B.

Về con: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 19/10/2013. Tại đơn khởi kiện ông đồng ý để con chung cho bà B nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ngày 25/4/2018 ông đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về con chung. Tại phiên tòa, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Về nợ: Ông và bà B không nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà B vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt để làm việc với Tòa án

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Do bị đơn vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền lợi của bị đơn cũng như để xem xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ hay không. Xét thấy, việc niêm yết các thủ tục tố tụng trong vụ án là không hiệu quả, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Tòa án yêu cầu ông Trần Ngọc Đ làm thủ tục yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

** Về nội dung giải quyết vụ án:* Không phát biểu quan điểm do đã đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị B, yêu cầu của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà B cư trú tại Ấp 2, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng trong vụ án: Căn cứ biên bản xác minh ngày 14/11/2018 và biên bản xác minh ngày 19/4/2019 thể hiện bà Mai Thị B không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không biết vì khi đi bà B không khai báo với chính quyền địa phương, bà B thỉnh thoảng có về địa phương thăm gia đình và người thân, qua xác minh thực tế tại Ấp 2 thì bà B đi khỏi địa phương vào khoảng giữa tháng 12 năm 2018. Vì vậy, căn cứ vào đoạn 2 khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt (niêm yết) các thủ tục tố tụng cho bị đơn - bà Mai Thị B là

đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn xác định sau khi nộp đơn khởi kiện và Tòa án thông báo thụ lý vụ án thì bà B mới bỏ địa phương đi, do đó nguyên đơn khẳng định là không yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, sau khi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa kiểm tra sự có mặt của những người được triệu tập tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn vì đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tuy nhiên, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc niêm yết các thủ tục tố tụng đối với bị đơn là không đạt hiệu quả và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Tòa án yêu cầu ông Trần Ngọc Đ làm thủ tục yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là mâu thuẫn, đồng thời không phù hợp với quy định pháp luật vì pháp luật không có quy định bắt buộc đương sự phải thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định: Việc Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh niêm yết các thủ tục tố tụng trong vụ án và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Do đó, đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Đ và bà Mai Thị B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà B là hợp pháp.

Như đã phân tích tại phần thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng thì việc niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên bà B không tham gia tố tụng tại Tòa án là xem như từ bỏ quyền lợi của mình, mặt khác bà B không thường xuyên có mặt ở địa phương là không đảm bảo quyền và nghĩa vụ về nhân thân của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ *Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...* ”

Do đó, có căn cứ xác định: Quá trình chung sống, giữa ông Đ và bà B có phát sinh mâu thuẫn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, đồng thời ông Đ xác định không còn tình cảm với bà B. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà B đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về con: Ông Đ và bà B có 01 người con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 19/10/2013, hiện con đang do ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do ông Đ đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về con chung nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về con chung của ông Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Đ phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 177, Điều 244, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc Đ.
 - Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Ngọc Đ được ly hôn với bà Mai Thị B.
 - Về con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về con chung của ông Trần Ngọc Đ.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét
- 2/ Về án phí: Ông Trần Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0006272 ngày 03/12/2018.
- 3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

